

III nivå 3
• Vietnamese / nyorsk
■ Nana Trang
• Brian Wambi
■ Lesley Koyi, Ursula Natula



Ngày tôi rời khỏi thành phố / Den dagene
eg drog heimanfrå for å dra til byen
dra til byen
Den dagene eg drog heimanfrå for å

barnebøker på mange språk som snakkес i Norge.
Barnebøker for Norge (barnebøker.no), som tilbyr
(africanstorybook.org) og er videreforsmíldet av
Denne fortellingen kommer fra African Storybook

johannesseen, Martine Rørstad Sand (nn)
Overstatt av: Nana Trang (vi), Espen Stranger-

Illustrert av: Brian Wambi
Skrevet av: Lesley Koyi, Ursula Natula
Ngày tôi rời khỏi thành phố / Den dagene
eg drog heimanfrå for å dra til byen

barnebøker.no

Barnebøker for Norge



<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no>
Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens.
Dette verket er lisensiert under en Creative Commons



Một chiếc xe bus nhỏ đỗ tại làng tôi. Mọi người trong làng chen chúc và chen lấn nhau. Có rất nhiều thứ cần được cho lên xe. Người kiểm vé đang la tên những điểm tới của xe họ.

...

Den vesle busstasjonen i landsbyen min var travel og stappfull av bussar. På bakken var det fleire ting som skulle lastast. Medhjelparane ropte namna på stadane dit bussane gjekk.

“Byen! Byen! Vestover!” høyrde eg ein medhjelpar ropa.
Det var bussen eg måtte ta.

...

”Di vē thānh phō! Di vē thānh phō! Di vē phia Tay!” Toi
nghē tiēng gỏi tú chiec xe buýt tói cản di.





Xe đi thành phố đã gần đầy, nhưng nhiều người vẫn muốn lên. Vài người đã chất đồ vào gầm xe. Những người còn lại sử dụng ngăn để đồ phía trên ghế.

...

Bussen til byen var nesten full, men fleire folk dytta for å koma om bord. Nokre plasserte bagasjen sin i bagasjerommet under bussen. Andre la han på hyllene inne i bussen.



Chiếc buýt nhanh chóng đầy người, chuẩn bị đi về lại hướng Đông. Việc tôi cần làm bây giờ là tìm chú tôi thôi.

...

Bussen som skulle tilbake vart fylt opp fort. Det viktigaste for meg no var å byrja å leita etter huset til onkelen min.

Ni timer seinare vaka eg av høgdyt banking og ropning etter passasjerar som skulle tilbake til landsbyen min. Eg grep fatt i den vesle veska mi og hoppa ut av bussen.

...

khoi xe buyt.

Chin tienng sau,toi bat day boi tienng goi khach cho chuyen di tro ve langtoi. Toi nhanh chong vac tri va ra yen vi.

Nhung nguoihanh khach moi den nam chiet ve trong tay, tim cho de ngoi. Nhung nguoiphu ut va tre nhodaa

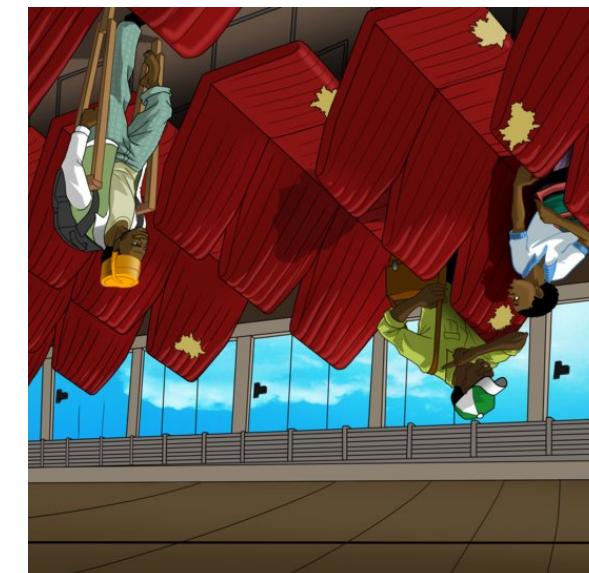
...



det behagleg under den lange reisa.

Kvinne med unge born la til rette for dei saa dei skulle faa

sag etter ein stad a sitja sidan det var trondt om plassen. Nye passasjerar klarma seg til billettane sine medan dei

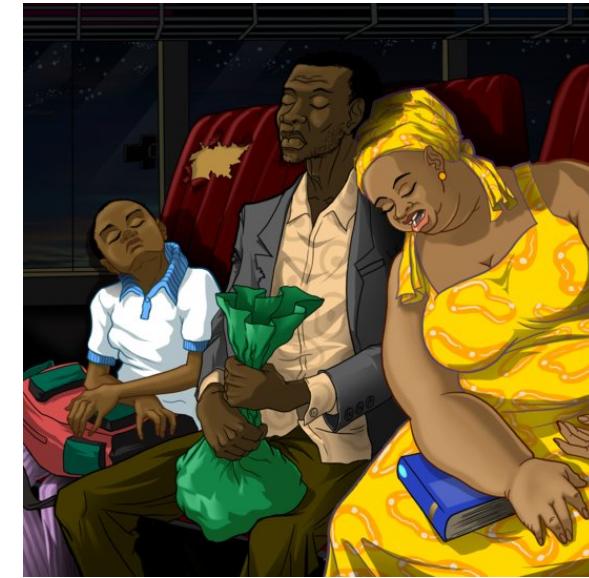




Tôi chen vào một chỗ gần cửa sổ. Một người ngồi kế tôi giữ chặt chiếc túi xanh của anh ta. Anh ta mang đôi xăng đan cũ kĩ, một chiếc áo khoác sờn và anh trông không được thoái mái lắm.

...

Eg pressa meg inn ved sida av eit vindauge. Personen som sat ved sida av meg heldt hardt om ein grøn plastpose. Han hadde på seg gamle sandalar, ein utsliten frakk, og han såg nervøs ut.



Trên đường đi, tôi cố nhớ nơi ở của chú tôi ở thành phố. Tôi vẫn lầm bẩm địa chỉ trong giấc ngủ của tôi.

...

På vegen lærte eg meg utanåt namnet på staden i den store byen der onkelen min budde. Eg mumla enno då eg fall i søvn.

Eg säg ut av bussen og insäg at eg var i ferd med å
forlata landsbyen min, staden der eg hadde vakte opp.
Eg skulle dra til den store byen.

...

Tôi nhìn ra ngoài và nhàn ra tôi đang rời khỏi làng, nói
tôi đã lớn lên. Tôi đang đi về phía thành phố loin.



Nhưng tam trại tôi hiện lên hình ảnh nhà tôi. Liệu mè tôi
có ở? Những con thó có bán được khونq? Em trai tôi sẽ
trygg? Kjem kaninane mine til à innbringne nokre pengar?
Men tankane mine vandra heim. Kjem mor mi til à verta
mine?

...

Nhớ туối cậy chư?
Kjem bror min til à hugsa à vanta dei nyutspunninge trea
trygg? Kjem kaninane mine til à innbringne nokre pengar?
Men tankane mine vandra heim. Kjem mor mi til à verta
mine?





Mọi hành khách đã có được chỗ ngồi. Những người bán hàng rong chen chân lên xe để rao hàng, rao lên những thứ họ bán. Nghe thật vui tai.

...

Lastinga av bagasjen var ferdig og alle passasjerane hadde sett seg. Gateseljarar pressa seg enno inn i bussen for å selja varene sine til passasjerane. Alle ropte namna på det dei hadde til sals. Eg syntest orda høyrest merkelege ut.



Xe trở nên nực hơn. Tôi nhắm tịt mắt, cố gắng đi ngủ.

...

Etter kvart som reisa heldt fram vart det veldig varmt i bussen. Eg lukka auga og håpte å få sova.

Khi xe rói khỏi bên đó, tôi nhìn ra cửa sổ, từ nhữnг tôi khi
nào tôi đурđc vේ thám lăng tôi.



...

I det bussen forlet bussstationen, stira eg ut av
vindaugeт. Eg lurte på om eg nokosinne skulle koma
tilbake til landsbyen min igjen.

Nokre få passasjerar kjøpte noko å drikka, andre kjøpte
små snacks som dei byrja å tygga på. Dei som ikje
hade nokre pengar, som eg, berre såg på.

...

Vài người hân khach mua nước vă dō ăn vặt. Nhũng
người không có tiền, như tôi, thì ngồi yên.





Tiếng còi xe cắt ngang mọi hoạt động, báo hiệu xe sắp chuyển bánh. Người soát vé bảo những người bán hàng rong ra khỏi xe.

...

Desse aktivitetane vart avbrotna av tutinga til bussen, eit teikn på at vi var klare til å dra. Ein medhjelpar ropte at gateseljarane måtte koma seg ut.



Họ trả tiền thối cho khách và chen nhau đi ra khỏi xe. Vài người ráng nán lại bán hàng.

...

Gateseljarar dytta kvarandre for å koma seg ut av bussen. Nokre gav tilbake vekslepengar til dei reisande. Andre freista i siste liten å selja nokre fleire varer.